

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/DS-PT

Ngày 18 - 01 - 2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Huyền.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Bằng và bà Lưu Thị Thu Hường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Cao Huế - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Ngụ Văn Minh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Vào ngày 18/01/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 211/2020/TLPT-DS ngày 15/10/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2020/DSST ngày 31/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 243/2020/QĐ-PT ngày 24/11/2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Võ Thị H - Sinh năm: 1960 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số A thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đ.

*** Bị đơn:** Bà Trần Thị H1 - Sinh năm: 1972 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Buôn K, xã E, huyện B, tỉnh Đ.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Văn H2 - Sinh năm: 1972 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Buôn K, xã E, huyện B, tỉnh Đ.

*** Viện kiểm sát kháng nghị:** Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Võ Thị H trình bày:** Bà H và bà Trần Thị H1 là người ở cùng thôn nên có quen biết nhau. Bà H cho bà H1 vay cà phê và vay tiền làm nhiều lần, tổng cộng là 8.280 kg cà phê nhân khô và 35.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 23/4/2017 vay 3.280 kg cà phê nhân khô, hẹn đến cuối năm 2017 trả, hai bên không thỏa thuận lãi suất. Ngày 10/5/2017

vay 35.000.000 đồng, lãi suất hàng tháng 30.000 đồng / 01 triệu, hạn cuối năm 2017 trả. Ngày 27/8/2017 vay 5.000 kg cà phê nhân khô, hạn sẽ trả 2.500 kg cà phê nhân khô trước Nô - En, từ là ngày 25/12/2017, còn 2.500 kg cà phê nhân khô sẽ trả sau Nô - En nhưng hai bên không thỏa thuận rõ là ngày nào, hai bên không thỏa thuận lãi suất. Các lần vay này bà H1 nói mục đích vay để kinh doanh buôn bán. Bà H1 vay không thế chấp tài sản gì. Do bà H1 không trả nợ nên năm 2019 bà H khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn yêu cầu bà H1 trả nợ. Ngày 01/11/2019 tại Tòa án, bà H và bà H1 đã thỏa thuận bà H1 còn nợ bà H 5.000 kg cà phê nhân, quy đổi thành tiền là 190.000.000 đồng (38.000đ/kg X 5.000kg) và khoản vay 35.000.000 đồng, hạn đến ngày 30/12/2019 âm lịch (tức ngày 24/01/2020 dương lịch) sẽ trả hết, nếu không phải chịu lãi 1,6%/tháng. Còn khoản vay 3.280 kg cà phê nhân khô, khi nào bà H tìm được giấy gốc thì khởi kiện yêu cầu bà H1 trả nợ sau. Tuy nhiên, kể từ đó đến nay bà H1 không trả khoản nào. Nay bà H khởi kiện tại Tòa án yêu cầu bà H1 phải trả 8.280 kg cà phê nhân khô, 35.000.000 đồng và lãi suất 1,6%/tháng kể từ ngày 10/5/2017.

*** Bị đơn bà Trần Thị H1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H2:** Đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến tham gia tố tụng tại Tòa án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2020/DSST ngày 31/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk quyết định: Căn cứ Điều 430; Điều 432; Điều 433; Điều 434; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự, chấp nhận đơn khởi kiện của bà Võ Thị H, buộc bà Trần Thị H1 phải thanh toán cho bà Võ Thị H 8.280 kg cà phê nhân khô và 57.213.000 đồng (Trong đó, nợ gốc 35.000.000 đồng, nợ lãi 22.213.000 đồng).

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí.

Ngày 29/9/2020 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk kháng nghị đề nghị cấp phúc thẩm hủy Bản án số 11/2020/DSST ngày 31/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn vì Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ nội dung tại các giấy nhận nợ; Bị đơn vắng mặt không tham gia tố tụng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành giám định chữ ký, chữ viết tại giấy nhận nợ mà chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là thu thập chứng cứ chưa đầy đủ theo quy định; Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất nhưng Tòa án lại áp dụng tính lãi suất đối với khoản vay 35.000.000 đồng là vượt quá phạm vi khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk thay đổi quyết định kháng nghị, đề nghị cấp phúc thẩm sửa Bản án số 11/2020/DSST ngày 31/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn theo hướng chấp nhận một phần khởi kiện của bà H, buộc bà H1 phải trả 225.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, thư ký cũng như các đương sự đã tuân thủ đúng với qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà H khởi kiện yêu cầu bà H1 trả nợ 03 khoản vay, xuất trình chứng cứ là các giấy nhận nợ 5.000 kg cà phê nhân + 3.280 kg cà phê nhân + 35.000.000 đồng, giấy chốt nợ 225.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, bà H1 không đến Tòa án tham gia tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ giấy nhận nợ ngày 01/11/2019 gồm những khoản vay nào, chữ viết và chữ ký đề tên Trần Thị H1 tại giấy nhận nợ này và giấy vay 35.000.000 đồng có phải là chữ viết và chữ ký của bà H1 không, chỉ căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, lời khai của bị đơn khi giải quyết vụ án lần đầu (năm 2019) để quyết định buộc bà H1 phải trả 8.280 kg cà phê nhân, 35.000.000 đồng và lãi là thu thập chứng cứ chưa đầy đủ. Tuy nhiên, quá trình giải quyết phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm đã lấy lời khai của bà H để làm rõ về các khoản vay, về giấy nhận nợ ngày 01/11/2019 và đã trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk giám định chữ ký, chữ viết của bà H1 tại các giấy nhận nợ. Như vậy, việc thu thập chứng cứ và chứng minh chưa được thực hiện đầy đủ ở cấp sơ thẩm đã được bổ sung đầy đủ tại cấp phúc thẩm. Giấy nhận nợ ngày 01/11/2019 thể hiện bà H1 còn nợ bà H 225.000.000 đồng, ngoài ra không còn mượn thêm số tiền, cà phê nào khác. Như vậy, đây là giấy chốt nợ, tính đến ngày 01/11/2019 bà H1 chỉ còn nợ lại bà H 225.000.000 đồng. Từ phân tích trên, Viện kiểm sát thay đổi kháng nghị, đề nghị Cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc bà H1 phải trả cho bà H 225.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk kháng nghị trong thời hạn luật định nên vụ án được giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, Viện kiểm sát thay đổi kháng nghị theo hướng đề nghị sửa bản án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

[2.1] Về tố tụng.

Năm 2019 khi bà H khởi kiện lần đầu tại Tòa án yêu cầu bà H1 phải trả 8.280 kg cà phê nhân khô, bà H1 tham gia tố tụng và thừa nhận 02 giấy vay cà phê 5.000 kg + 3.280 kg do bà H1 viết nhưng thực tế bà H1 chỉ vay 5.000 kg cà phê nhân khô, sau đó trả được một phần còn nợ lại 3.280 kg cà phê nhân khô (gồm gốc và lãi).

Ngày 01/11/2019 bà H1 viết giấy nhận nợ, chốt số tiền còn nợ bà H là 225.000.000 đồng, ngoài ra không có mượn thêm số tiền và cà phê nào khác, hẹn ngày 30/12/2019 âm lịch trả đủ số tiền. Sau đó bà H rút đơn khởi kiện. Đến hạn thanh toán, bà H1 không trả nên bà H khởi kiện lại vụ án. Quá trình giải quyết vụ án, bà H1 không đến Tòa án tham gia tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ giấy nhận nợ ngày 01/11/2019 gồm những khoản vay nào, chữ viết, chữ ký đề tên Trần Thị H1 tại giấy nhận nợ này và giấy vay 35.000.000 đồng có phải là chữ viết và chữ ký của bà H1 không, chỉ căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, lời khai của bị đơn khi giải quyết vụ án lần đầu (năm 2019) để quyết định buộc bà H1 phải trả cho bà H 8.280 kg cà phê nhân khô và 35.000.000 đồng nợ gốc và nợ lãi là thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, vi phạm Điều 94; Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm đã lấy lời khai của bà H để làm rõ về các khoản vay, về giấy nhận nợ ngày 01/11/2019 và đã trưng cầu giám định tại Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, kết quả thể hiện chữ ký, chữ viết tại các giấy vay 3.280 kg cà phê nhân khô, giấy vay 35.000.000 đồng, giấy nhận nợ 225.000.000 đồng là của bà Trần Thị H1. Như vậy, việc thu thập chứng cứ và chứng minh chưa được thực hiện đầy đủ ở cấp sơ thẩm đã được cấp phúc thẩm khắc phục.

[2.2] Về nội dung.

- Về nợ gốc: Các giấy vay tiền do bà H cung cấp thể hiện, ngày 23/4/2017 bà H1 vay 3.280 kg cà phê nhân khô, ngày 10/5/2017 bà H1 vay 35.000.000 đồng, ngày 27/8/2017 vay 5.000 kg cà phê nhân khô. Như vậy, tính đến ngày 27/8/2017 bà H1 vay bà H 8.280 kg cà phê nhân khô và 35.000.000 đồng. Ngày 01/11/2019 tại Tòa án, bà H và bà H1 thỏa thuận chốt nợ, bà H1 còn nợ 225.000.000 đồng, ngoài ra không còn mượn thêm số tiền và cà phê nào khác. Tại Kết luận trưng cầu giám định số 04/KLGD-PC09 ngày 06/01/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận chữ viết và chữ ký mang tên Trần Thị H1 tại các giấy vay tiền này so với chữ viết, chữ ký đứng tên Trần Thị H1 trong các mẫu so sánh là do cùng một người ký ra. Như vậy, có đủ căn cứ xác định bà H1 có vay cà phê và vay tiền của bà H.

Bà H cho rằng khoản tiền 225.000.000 đồng tại giấy nhận nợ ngày 01/11/2019 chỉ gồm khoản vay 5.000 kg cà phê nhân, quy đổi thành tiền là 190.000.000 đồng ($38.000\text{đ/kg} \times 5.000\text{kg}$) và khoản vay 35.000.000 đồng, không có khoản vay 3.280 kg cà phê nhân khô, vì tại thời điểm viết giấy nhận nợ này bà chưa tìm thấy giấy gốc của khoản vay này nên hai bên thỏa thuận không ghi vào giấy nhận nợ này: Tại hồ sơ khởi kiện lần đầu năm 2019 thể hiện bà H khởi kiện yêu cầu bà H1 trả 02 khoản vay 5.000 kg cà phê nhân + 3.280 kg cà phê nhân, nộp chứng cứ kèm theo và đã được Thẩm phán đối chiếu với bản gốc. Các khoản vay 5.000 kg cà phê + 3.280 kg

cà phê + 35.000.000 đồng có trước ngày chốt nợ 01/11/2019 và tại giấy chốt nợ này hai bên đã thống nhất thỏa thuận tính đến ngày 01/11/2019 bà H1 chỉ còn nợ lại 225.000.000 đồng, ngoài ra không còn mượn thêm số tiền, cà phê nào khác. Do đó, việc bà H cho rằng thời điểm viết giấy nhận nợ 01/11/2019 do không có giấy vay gốc 3.280 kg cà phê nhân nên không tính gộp vào trong giấy này là không phù hợp.

Theo giấy nhận nợ ngày 01/11/2019 thể hiện bà H1 còn nợ bà H 225.000.000 đồng, ngoài ra không còn mượn thêm số tiền, cà phê nào khác. Như vậy, đây là giấy chốt nợ, tính đến ngày 01/11/2019 bà H1 còn nợ lại bà H 225.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H1 phải trả cho bà H 8.280 kg cà phê nhân khô và 57.213.000 đồng là không khách quan, không tôn trọng sự thỏa thuận của các bên đương sự đã định đoạt vào ngày 01/11/2019. Tại giấy nhận nợ bà H1 cam kết sẽ trả hết nợ cho bà H vào cuối ngày 30/12/2019 âm lịch (tức ngày 24/01/2020 dương lịch), tuy nhiên đến hạn bà H1 không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự. Do vậy, cần buộc bà H1 phải trả cho bà H 225.000.000 đồng nợ gốc.

- Về tiền lãi: Tại giấy nhận nợ ngày 01/11/2019 thể hiện đến cuối ngày 30/12/2019 âm lịch (tức ngày 24/01/2020 dương lịch) bà H1 không trả nợ thì phải chịu lãi suất 1,6%/tháng. Tuy nhiên, đến hạn bà H1 không thực hiện như cam kết là vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phải chịu lãi suất theo thỏa thuận là 1,6%/ tháng, mức lãi suất này phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự nên chấp nhận. Như vậy, bà H1 phải trả cho bà H tiền lãi kể từ ngày 25/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 31/8/2020 là 07 tháng 07 ngày, mức lãi suất 1,6%/tháng cụ thể như sau: $225.000.000đ \times 1,6\%/tháng \times 07 \text{ tháng } 07 \text{ ngày} = 26.040.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền nợ gốc, lãi bà H1 phải trả cho bà H là 251.040.000 đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, sửa bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng:

[3.1] Về án phí.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Do chấp nhận một phần khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà H1 phải trả khoản tiền nợ gốc, lãi 251.040.000 đồng, nên bị đơn bà H1 phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là: $251.040.000 \text{ đồng} \times 5\% = 12.552.000 \text{ đồng}$.

+ Do không chấp nhận một phần khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà H1 phải trả 3.280 kg cà phê nhân khô, nên bà H phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 110.864.000 đồng (quy đổi 3.280 kg cà phê nhân khô tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 33.800 đ/kg) $\times 5\% = 5.543.200 \text{ đồng}$, được khấu trừ vào 7.085.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu số 630 ngày 22/4/2020 của Chi cục Thi hành

án dân sự huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk. Trả lại cho bà H 1.541.800 đồng tiền tạm ứng án phí còn thừa.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk kháng nghị nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[3.2] Chi phí tố tụng.

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu chi phí giám định chữ ký 5.040.000 đồng. Bà Võ Thị H được nhận lại 5.040.000 đồng sau khi thu được của bà Trần Thị H1.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 2 Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự;

[1.1] Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2020/DSST ngày 31/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.

[1.2] Áp dụng Điều 466; Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 11; Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định án phí, lệ phí Tòa án,

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H. Buộc bà Trần Thị H1 phải trả cho bà Võ Thị H 251.040.000 đồng (Hai trăm năm mươi một triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn), trong đó nợ gốc 225.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm triệu đồng chẵn), nợ lãi 26.040.000 đồng (Hai mươi sáu triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 18/01/2021) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H về việc buộc bà Trần Thị H1 phải trả 3.280 kg cà phê nhân khô.

[2] Về án phí, chi phí tố tụng:

[2.1] Án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc bà Trần Thị H1 phải chịu 12.552.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm năm mươi hai ngàn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc bà Võ Thị H1 phải chịu 5.543.200 đồng (Năm triệu năm trăm bốn mươi ba ngàn hai trăm đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào 7.085.000 đồng (Bảy triệu không trăm tám mươi lăm ngàn đồng chẵn) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu số 630 ngày 22/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự

huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk. Trả lại cho bà H 1.541.800 đồng (Một triệu năm trăm bốn mươi một ngàn tám trăm đồng chẵn) tiền tạm ứng án phí còn thừa.

[2.2] Án phí dân sự phúc thẩm.

Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[2.3] Chi phí giám định chữ ký:

Bà Trần Thị H1 phải chịu 5.040.000 đồng (Năm triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn) chi phí giám định chữ ký. Bà Võ Thị H được nhận lại 5.040.000 đồng (Năm triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn) sau khi thu được của bà Trần Thị H1.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Buôn Đôn;
- Chi cục THADS huyện Buôn Đôn;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Thanh Huyền